

Số: 2205/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần triển khai mới; dịch vụ công trực tuyến điều chỉnh và bãi bỏ áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 22 Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần triển khai mới (06 DVCTT toàn trình và 16 DVCTT một phần); 09 dịch vụ công trực tuyến điều chỉnh và 07 dịch vụ công trực tuyến bãi bỏ áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành có danh mục dịch vụ công trực tuyến triển khai mới, điều chỉnh có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, công khai danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần theo danh mục tại Điều 1 trên Cổng Thông tin Dịch vụ công tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở. Thời hạn hoàn thành chậm nhất 3 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tái cấu trúc quy trình giải quyết và cập nhật quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh các dịch vụ công trực tuyến theo đúng quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ. Thời hạn hoàn thành trước **22/11/2023**.

- Thực hiện tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp biết, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến công bố tại Điều 1.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Hướng dẫn giải pháp kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị, địa phương cập nhật, kết nối, đồng bộ, tích hợp danh mục các dịch vụ công trực tuyến lên Cổng thông tin dịch vụ công tỉnh Bắc Ninh và Cổng dịch vụ công quốc gia.

3. Bộ phận Một cửa các cấp:

Niêm yết công khai danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần tại nơi tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính ngay sau khi Quyết định được ký ban hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế một phần Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 về việc công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần thực hiện tại 3 cấp áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp, Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Tuấn

DANH MỤC TTHC CUNG CẤP DVC TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, MỘT PHẦN

*Ban hành kèm theo Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh*

x	Tên/Lĩnh vực	Mã	DVC trực tuyến		Ghi chú
			Toàn trình	Một phần	
A	Cấp tỉnh				
I	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội				
1.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (Trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan TW quyết định thành lập); cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ	1.005449.000.00.00.H05		x	
2.	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện các Bộ, ngành, cơ quan TW, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành TW quyết định thành lập); giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, cơ quan TW, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan TW quyết định thành lập)	1.005450.000.00.00.H05		X	
3.	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000479.000.00.00.H05		X	
4.	Gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000464.000.00.00.H05		X	
5.	Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000448.000.00.00.H05		X	
6.	Thu hồi giấy phép hoạt động cho	1.000436.000.00.00.H05		X	

	thuê lại lao động				
7.	Rút tiền ký Quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	1.000414.000.00.00.H05		X	
8.	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	2.001955.000.00.00.H05	X		
9.	Khai báo với Sở Lao động, thương binh và Xã hội khi đưa vào sử dụng các loại máy, vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	2.000134.000.00.00.H05	X		
10.	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001865.000.00.00.H05		X	
11.	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001853.000.00.00.H05		X	
12.	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001823.000.00.00.H05		X	
13.	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	2.000219.000.00.00.H05		x	
14.	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	2.000105.000.00.00.H05	X		
15.	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000205.000.00.00.H05		x	
16.	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000192.000.00.00.H05		x	
17.	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	1.000459.000.00.00.H05		x	
II	Sở Khoa học và Công nghệ				
18.	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.011818.000.00.00.H05	x		

19.	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	1.011820.000.00.00.H05	X		
20.	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.011819.000.00.00.H05	X		
III	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
21.	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý	1.011769.000.00.00.H05		x	
IV	Sở Xây dựng				
22.	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý	1.011769.000.00.00.H05		x	



**DANH MỤC THỰC SỬA ĐỔI CUNG CẤP DVC TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, MỘT PHẦN
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 881/QĐ-UBND NGÀY 24/7/2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2205 /QĐ-UBND ngày 16 /11/2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

	Tên/Lĩnh vực	Mã	DVC trực tuyến		Ghi chú
			Toàn trình	Một phần	
A	Cấp tỉnh				
I	Sở Khoa học và Công nghệ				
1	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002380.000.00.00.H05	X		
2	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002381.000.00.00.H05	X		
3	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002382.000.00.00.H05	X		
4	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002383.000.00.00.H05	X		
5	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh)	2.001208.000.00.00.H05	X		
6	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tỉnh)	2.001100.000.00.00.H05	X		
7	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh)	2.001501.000.00.00.H05	X		
B	Cấp Huyện, Cấp Xã				
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000815.000.00.00.H05			Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2.000843.000.00.00.H05			

**DANH MỤC TTTC BÀI BỎ CUNG CẤP DVC TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, MỘT PHẦN
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 881/QĐ-UBND NGÀY 24/7/2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

x	Tên/Lĩnh vực	Mã	DVC trực tuyến		Ghi chú
			Toàn trình	Một phần	
A	Cấp tỉnh				
I	Ban Quản lý các khu công nghiệp				
1	Thủ tục báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	1.000105.000.00.00.H05		X	Bãi bỏ theo yêu cầu của Nghị định 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023
2	Thủ tục cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000205.000.00.00.H05		X	
3	Thủ tục cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000192.000.00.00.H05		X	
4	Thủ tục gia hạn Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1.009811.000.00.00.H05		X	
5	Thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động	1.000459.000.00.00.H05		X	
6	Thủ tục đăng ký Nội quy lao động	2.001955.000.00.00.H05		X	
7	Đăng ký đưa lao động Việt Nam đi thực tập nâng cao tay nghề tại nước ngoài có thời hạn dưới 90 ngày	1.005132.000.00.00.H05		X	